

Bản án số: 01/2023/KDTM-ST

Ngày: 26-10-2023

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đới Xuân Huy

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lý Thị The

- Ông Lý Ngọc Sáng

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Ông Lương Gia Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/TLST-KDTM, ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 30 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng A.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh H - Chức vụ: Giám đốc Ngân Hàng A tỉnh Lai Châu - Chi nhánh huyện Mường Tè (Ngân hàng A chi nhánh huyện Mường Tè).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Thanh H: Ông Nguyễn Quang T2 - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng A chi nhánh huyện Mường Tè.

Địa chỉ: Khu C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu. (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH B

Địa chỉ công ty: Khu phố D, thị trấn M, huyện M, tỉnh Lai Châu.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Quốc T - Giám đốc

Địa chỉ: Tổ F, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lai Châu - Địa chỉ (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: *ông Nguyễn Quang T2 - Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng A chi nhánh huyện Mường Tè* trình bày:

Từ năm 2018 đến năm 2020 bằng 04 hợp đồng tín dụng A chi nhánh huyện Mường Tè đã cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B do bà Đỗ Thị Ngọc Tân Chức vụ: Giám đốc. (Từ ngày 12/4/2021 do ông Trần Quốc T là Giám đốc) vay vốn với tổng số tiền là 12.000.000.000 đồng để thực hiện thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, tiền nhân công xây dựng công trình. Theo các hợp đồng tín dụng, cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201800320, ngày 19/04/2018. Mức vốn vay là 4.500.000.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 15/12/2020. Quá hạn trả nợ từ ngày 15/12/2022 cho đến nay, bao gồm: Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 690.824.164 đồng. Dư nợ quá hạn là 2.135.960.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201800955, ngày 19/10/2018. Mức vốn vay là 1.800.000.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 15/09/2021. Quá hạn trả nợ từ ngày 15/09/2021 cho đến nay, bao gồm: Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 131.541.819 đồng. Dư nợ quá hạn là 707.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201900445, ngày 19/07/2019. Mức vốn vay là 2.700.000.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 15/12/2020. Quá hạn trả nợ từ ngày 15/12/2020 cho đến nay, bao gồm: Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 625.220.931 đồng. Dư nợ quá hạn là 2.559.000.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-202000030, ngày 14/01/2020. Mức vốn vay là 3.000.000.000 đồng, hạn trả nợ là ngày 13/01/2021. Quá hạn trả nợ từ ngày 13/01/2021 cho đến nay, bao gồm: Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 601.468.492 đồng. Dư nợ quá hạn là 2.800.000.000 đồng.

Theo các hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 22/07/2022 thì tổng số dư nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn B là 10.251.015.406 đồng (trong đó: Nợ gốc là 8.201.960.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 2.049.055.406 đồng).

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201800320, ngày 19/04/2018. Mức vốn vay là 4.500.000.000 đồng; mục đích: thanh toán tiền mua NVL, tiền nhân công xây dựng công trình; Gói thầu số 04 (Xây dựng + thiết bị) công trình; Trường PTDTBT – THCS xã Pa Vây Sủ huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Ngày vay: 29/4/2018; hạn trả: ngày 15/12/2020. Quá hạn trả nợ từ ngày 15/12/2020 cho đến nay, bao gồm: Dư nợ quá hạn là 2.135.960.000 đồng. Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 498.520.822 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201800955, ngày 19/10/2018. Mức vốn vay là 1.800.000.000 đồng; mục đích: Thanh toán tiền mua NVL, tiền nhân công xây dựng công trình; Gói thầu số 04 (Xây lắp toàn bộ) công trình: Phụ trợ trường THCS xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; ngày vay: 19/10/2018; hạn trả: ngày 15/09/2021. Quá hạn trả nợ từ ngày 15/09/2021 cho đến nay, bao gồm: Dư nợ quá hạn là 707.000.000 đồng. Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 118.707.915 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201900445, ngày 19/07/2019. Mức vốn vay là 2.700.000.000 đồng; mục đích: thanh toán tiền mua NVL, tiền nhân công xây dựng công trình; Gói thầu số 04 (Xây lắp toàn bộ) công trình: Mặt đường thoát nước Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Xé Ma, xã Tà Tổng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; ngày vay: 19/7/2019; hạn trả: ngày 15/12/2020. Quá hạn trả nợ từ ngày 15/12/2020 cho đến nay, bao gồm: Dư nợ quá hạn là 2.559.000.000 đồng. Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 573.738.265 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-202000030, ngày 14/01/2020. Mức vốn vay là 3.000.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua NVL, tiền nhân công xây dựng công trình; Gói thầu số 04 (Xây dựng + thiết bị) công trình; Trường PTDTBT – THCS xã Pa Vây Sủ huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu và công trình; Gói thầu số 06 (Xây lắp + thiết bị) công trình: Trường THPT Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; hạn trả: ngày 13/01/2021. Quá hạn trả nợ từ ngày 13/01/2021 cho đến nay, bao gồm: Dư nợ quá hạn là 2.800.000.000 đồng. Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 571.551.979 đồng.

Theo các hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 22/07/2022 thì tổng số dư nợ của Công ty trách nhiệm hữu hạn B là 9.964.478.981 đồng (trong đó: Nợ gốc là 8.201.960.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn tạm tính đến ngày 22/7/2023 là 1.762.518.981 đồng). A - Chi nhánh Mường Tè đã nhiều lần làm việc và có văn bản yêu cầu Công ty trách nhiệm hữu hạn B thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng Công ty vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình, liên

tiếp vi phạm nghĩa vụ, cố tình không hợp tác, gây khó khăn cho công tác thu hồi tiền vốn của nhà nước. Hiện tại ông Trần Quốc T, giám đốc không có mặt tại nơi cư trú đã gây khó khăn cho quá trình xử lý, thu hồi nợ, nên A - Chi nhánh Mường Tè, tỉnh Lai Châu khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Tè giải quyết cụ thể:

- Buộc Công ty TNHH B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng A toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử (26/10/2023 do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là: 11.014.567.547 đồng, trong đó: Nợ gốc: 8.201.960.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 2.812.607.547 đồng.

- Buộc Công ty TNHH B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng cấp tín dụng cho đến khi Công ty TNHH B trả hết nợ cho Ngân hàng A.

- Nếu Công ty TNHH B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A Chi nhánh huyện Mường Tè có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản của Công ty TNHH B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Hiện tại toàn bộ số dư nợ theo các hợp đồng trên không có biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Ông Trần Quốc T - Chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn B đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của pháp luật Tổ tụng Dân sự, đảm bảo tính khách quan, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trước và tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đối với các bên đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh theo quy định. Riêng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa nên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền cũng như nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Các Điều 116; 117; 241; 275; 278; 280; 351; 353; 357; 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự. Các Điều 91; 95 của Luật Tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; Nghị quyết 01/2019/NĐ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao và Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A - Chi nhánh Mường Tè, tỉnh Lai Châu gồm:

1. Buộc Công ty TNHH B trả nợ cho Ngân hàng A - Chi nhánh Mường Tè, tỉnh Lai Châu tính đến ngày 26/10/2023 tổng số tiền là 11.014.567.547 đồng, trong đó: Nợ gốc: 8.201.960.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 2.812.607.547 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH B phải tiếp tục trả lãi trên nợ gốc còn lại kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng cấp tín dụng cho đến khi Công ty TNHH B trả hết nợ cho Ngân hàng A.

3. Nếu Công ty TNHH B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A Chi nhánh huyện Mường Tè có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản của Công ty TNHH B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, công bố công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ theo đơn khởi kiện của Ngân hàng A - Chi nhánh Mường Tè, tỉnh Lai Châu và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bằng 04 hợp đồng tín dụng Ngân hàng A chi nhánh huyện Mường Tè đã cho Công ty trách nhiệm hữu hạn B do ông Trần Quốc T là Giám đốc vay vốn số tiền là 12.000.000.000 đồng để thực hiện thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, tiền nhân công xây dựng công trình. Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại. Các bên tham gia giao dịch đều có tư cách pháp nhân, có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên vụ án được xác định là vụ án Kinh doanh thương mại, quan hệ tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo hợp đồng tín dụng các đương sự có thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân cấp huyện nơi có trụ sở của nơi có trụ sở của Ngân hàng A chi nhánh huyện Mường Tè giải quyết tranh chấp nên Tòa án nhân dân huyện Mường Tè đã thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: Giảm mức tiền lãi theo từng hợp đồng do việc tăng lãi suất từ 7% như các hợp đồng tín dụng lên 8% là không có phụ lục hợp đồng và trong hợp đồng không có điều khoản về việc điều chỉnh lãi suất. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá phạm vi, yêu cầu khởi kiện ban đầu theo khoản 1 Điều 244 BLTTDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn: ông Trần Quốc T - Giám đốc Công ty TNHH B vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án nhân dân huyện Mường Tè đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng, thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng đúng theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 173 BLTTDS.

Tại phiên tòa bị đơn: ông Trần Quốc T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét tính hợp pháp các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201800320, ngày 19/04/2018. Mức vốn vay là 4.500.000.000 đồng; Mục đích: thanh toán tiền mua NVL, tiền nhân công xây dựng công trình; Gói thầu số 04 (Xây dựng + thiết bị) công trình; Trường PTDTBT – THCS xã Pa Vây Sừ huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Ngày vay: 29/4/2018; Hạn trả: ngày 15/12/2020; Lãi suất cho vay trong hạn 7%/ năm; Lãi suất áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn: 150%/ năm lãi suất cho vay trong hạn; Lãi xuất đối với lãi chậm trả: 10% / năm tính trên số dư lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201800955, ngày 19/10/2018. Mức vốn vay là 1.800.000.000 đồng; Mục đích: thanh toán tiền mua NVL, tiền nhân công xây dựng công trình; Gói thầu số 04 (Xây lắp toàn bộ) công trình: phụ trợ trường THCS xã Pa Vệ Sừ, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; Ngày vay: 19/10/2018; Hạn trả: ngày 15/09/2021; Lãi suất cho vay trong hạn 7%/ năm; Lãi suất áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn: 150%/ năm lãi suất cho vay trong hạn; Lãi xuất đối với lãi chậm trả: 10% / năm tính trên số dư lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201900445, ngày 19/07/2019. Mức vốn vay là 2.700.000.000 đồng; mục đích: thanh toán tiền mua NVL, tiền nhân công xây dựng công trình; Gói thầu số 04 (Xây lắp toàn bộ) công trình: Mặt đường thoát nước Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Xé Ma, xã Tà Tổng, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu; ngày vay: 19/7/2019; hạn trả: ngày 15/12/2020. Lãi suất cho vay trong hạn 7%/ năm; Lãi suất áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn:

150%/ năm lãi suất cho vay trong hạn; Lãi xuất đối với lãi chậm trả: 10% / năm tính trên số dư lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

- Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-202000030, ngày 14/01/2020. Mức vốn vay là 3.000.000.000 đồng; Mục đích: Thanh toán tiền mua NVL, tiền nhân công xây dựng công trình; Gói thầu số 04 (Xây dựng + thiết bị) công trình: Trường PTDTBT – THCS xã Pa Vây Sủ huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu và công trình; Gói thầu số 06 (Xây lắp + thiết bị) công trình: Trường THPT Đào San, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; hạn trả: ngày 13/01/2021. Lãi suất cho vay trong hạn 7%/ năm; Lãi suất áp dụng với dư nợ gốc bị quá hạn: 150%/ năm lãi suất cho vay trong hạn; Lãi xuất đối với lãi chậm trả: 10% / năm tính trên số dư lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Công ty TNHH B đã nhận đủ số tiền vay đối với các hợp đồng nói trên. Các hợp đồng tín dụng về hình thức tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về hợp đồng dân sự, các bên đều tự nguyện tham gia ký kết, không bị ai ép buộc. Nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy các hợp đồng trên đều hợp pháp.

[2.2]. Quá trình thực hiện hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201800320, ngày 19/04/2018. Mức vốn vay là 4.500.000.000 đồng. Tính đến thời hạn trả nợ ngày 15/12/2020 dư nợ quá hạn là 2.135.960.000 đồng. Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 498.520.822 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201800955, ngày 19/10/2018. Mức vốn vay là 1.800.000.000 đồng. Tính đến thời hạn trả nợ ngày 15/9/2021 dư nợ quá hạn là 707.000.000 đồng. Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 118.707.915 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-201900445, ngày 19/07/2019. Mức vốn vay là 2.700.000.000 đồng. Tính đến thời hạn trả nợ ngày 15/12/2020 dư nợ quá hạn là 2.559.000.000. Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 573.738.265 đồng.

Hợp đồng tín dụng số 7804-LAV-202000030, ngày 14/01/2020. Mức vốn vay là 3.000.000.000 đồng. Tính đến thời hạn trả nợ ngày 13/01/2021 dư nợ quá hạn là 2.800.000.000 đồng. Số tiền lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn chưa trả đến ngày 22/07/2022 là 571.551.979 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến thời hạn trả nợ tương ứng với thời gian trả nợ của các hợp đồng Công ty TNHH B đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, toàn bộ số dư nợ tính đến ngày 22/07/2022 đã chuyển sang nợ quá hạn là 8.201.960.000 đồng, nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 1.762.518.981 đồng. Như vậy Công ty TNHH B đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Ngân hàng A - Chi nhánh Mường Tè.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH B thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền tính đến ngày 26/10/2023 là 11.014.567.547 đồng, trong đó: Nợ gốc: 8.201.960.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 2.812.607.547 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy việc cho vay, cách tính lãi suất của Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Như vậy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty TNHH B thực hiện nghĩa vụ trả nợ toàn bộ số tiền tính đến hết ngày 26/10/2023 là 11.014.567.547 đồng, trong đó: Nợ gốc: 8.201.960.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 2.812.607.547 đồng.

Đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty TNHH B trả hết nợ cho Ngân hàng A. Xét thấy Công ty TNHH B đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, tại các hợp đồng tín dụng các bên đã thỏa thuận về mức lãi suất. Mức lãi suất các bên thỏa thuận không vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên yêu cầu buộc Công ty TNHH B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng cho đến khi Công ty TNHH B trả hết nợ cho Ngân hàng A được chấp nhận.

Đối với yêu cầu nếu Công ty TNHH B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A Chi nhánh huyện Mường Tè có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự xử lý tài sản của Công ty TNHH B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Yêu cầu trên của nguyên đơn là phù hợp với quy định của Luật Thi hành án Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chi phí tố tụng: Ngân hàng Ngân hàng A chi nhánh huyện Mường Tè đã đăng ký tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng ngân hàng Ngân hàng A chi nhánh huyện Mường Tè không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm. Bị đơn phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 143; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Các Điều 116; 117; 241; 275; 278; 280; 351; 353; 357; 463; 466; 468 của Bộ luật Dân sự;

Các Điều 91; 95 của Luật Tổ chức tín dụng.

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A - Chi nhánh Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn B trả nợ cho Ngân hàng A - Chi nhánh Mường Tè, tỉnh Lai Châu tính đến hết ngày 26/10/2023 tổng số tiền là 11.014.567.547 đồng, trong đó: Nợ gốc: 8.201.960.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 2.812.607.547 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH B phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số nợ gốc còn lại theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng cấp tín dụng kể từ ngày 27/10/2023 cho đến khi Công ty TNHH B trả hết nợ cho Ngân hàng A.

3. Nếu Công ty TNHH B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng A thông qua Ngân hàng A Chi nhánh huyện Mường Tè có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản của Công ty TNHH B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Công ty TNHH B phải chịu toàn bộ án phí Kinh doanh Thương mại có giá ngạch là 119.014.567 đồng.

Trả lại cho Ngân hàng A - Chi nhánh Mường Tè, tỉnh Lai Châu số tiền tạm ứng án phí là 59.125.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0000661 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện Mường Tè;
- Chi cục THADS huyện Mường Tè;
- Các đương sự; Niêm yết;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đới Xuân Huy